



ACB CAPITAL MANAGEMENT

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

ĐIỀU LỆ QUỸ
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB
(ACBGF)



Tháng 07 năm 2011

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	9
ĐIỀU 1: TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ ACBGF	9
ĐIỀU 2: MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CỦA QUỸ	9
ĐIỀU 3: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	9
ĐIỀU 4: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC	9
ĐIỀU 5: TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ACBGF CHÀO BÁN.....	10
ĐIỀU 6 : CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ	10
ĐIỀU 7 : CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	10
ĐIỀU 8: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	10
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	11
ĐIỀU 9: MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	11
ĐIỀU 10: CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	11
ĐIỀU 11: HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	12
ĐIỀU 12: PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ	13
CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ.....	15
ĐIỀU 13: NHÀ ĐẦU TƯ.....	15
ĐIỀU 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	15
ĐIỀU 15: SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ.....	16
ĐIỀU 16: CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ	16
ĐIỀU 17: THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ.....	17
ĐIỀU 18: GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THUA LỖ CỦA QUỸ.....	17
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	18
ĐIỀU 19: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN	18
ĐIỀU 20: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG.....	18
ĐIỀU 21: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	18
ĐIỀU 22: ĐIỀU KIỆN, THẾ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	19
ĐIỀU 23: QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	20
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	21
ĐIỀU 24: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
ĐIỀU 25: TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	21
ĐIỀU 26: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	22
ĐIỀU 27: CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	23
ĐIỀU 28: THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	24
ĐIỀU 29: ĐÌNH CHỈ VÀ BỎ MIỄN CHỦ TỊCH/THÀNH VIÊN CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	24
ĐIỀU 30: CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	24
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	26
ĐIỀU 31: TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	26
ĐIỀU 32: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	26
ĐIỀU 33: CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	27
ĐIỀU 34: HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	27
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	29
ĐIỀU 35: TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	29

ĐIỀU 36:	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	29
ĐIỀU 37:	CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	30
CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....		31
ĐIỀU 38:	TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN	31
ĐIỀU 39:	NĂM TÀI CHÍNH.....	31
ĐIỀU 40:	CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	31
ĐIỀU 41:	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	32
ĐIỀU 42:	CÁC BÁO CÁO KHÁC	32
CHƯƠNG IX. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....		33
ĐIỀU 43:	XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	33
ĐIỀU 44:	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	33
CHƯƠNG X. PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ.....		36
ĐIỀU 45:	PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ.....	36
CHƯƠNG XI. GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ		37
ĐIỀU 46:	CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ	37
ĐIỀU 47:	THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ KHI GIẢI THỂ	38
ĐIỀU 48:	CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP QUỸ	38
CHƯƠNG XII. PHÍ PHÁT HÀNH, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CỐ TỨC QUỸ		39
ĐIỀU 49:	PHÍ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG	39
ĐIỀU 50:	PHÍ QUẢN LÝ	39
ĐIỀU 51:	PHÍ GIÁM SÁT, LƯU KÝ VÀ PHÍ KHÁC CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	39
ĐIỀU 52:	THƯỜNG THEO HOẠT ĐỘNG VÀ CHỈ SỐ THAM CHIỀU	39
ĐIỀU 53:	CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ KHÁC.....	40
ĐIỀU 54:	PHÂN PHỐI CỐ TỨC QUỸ	41
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....		42
ĐIỀU 55:	KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ ACBGF VÀ CÁC QUỸ KHÁC VÀ CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ UỶ THÁC CỦA ACBC, GIỮA ACBGF VÀ ACBC.....	42
CHƯƠNG XIV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ		43
ĐIỀU 56:	CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
ĐIỀU 57:	THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ	43
ĐIỀU 58:	ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ.....	43
ĐIỀU 59:	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	44
PHỤ LỤC 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI QUỸ		45
PHỤ LỤC 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI QUỸ		47
PHỤ LỤC 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....		48
PHỤ LỤC 4. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG		49

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Điều lệ này được lập căn cứ theo những quy định pháp luật sau đây:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2006 (“Luật Chứng khoán”);
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 về việc thi hành luật Chứng khoán;
- Nghị định số 84/2010/ NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2010 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Chứng khoán;
- Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2010 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2007 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ ban hành kèm theo quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định Số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành quy chế hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế góp vốn, mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ định nghĩa dưới đây được dùng trong suốt Điều Lệ này:

Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB hoặc ACB Growth Fund, gọi tắt là Quỹ ACBGF

Là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB, gọi tắt là Công ty Quản lý Quỹ ACB (“ACB Capital” hoặc “ACBC”) hoặc Công ty Quản lý Quỹ

Là Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 và giấy phép điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty Quản lý Quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ ACBGF, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam), tên giao dịch là Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited, hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08/09/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008, thực hiện các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và ngân hàng giám sát, hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được Quỹ chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như, lưu ký chứng khoán, giám sát tài sản của Quỹ và các hoạt động liên quan của Công ty Quản lý Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

Công ty Kiểm toán

Là Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043000993 ngày 07 tháng 03 năm 2009 do UBND TP.HCM cấp theo Luật đầu tư và Luật Doanh nghiệp, được sự chấp thuận của UBCKNN thực hiện việc kiểm toán tài sản của Quỹ ACBGF và hoạt động quản lý của Công ty Quản lý Quỹ ACB hàng năm.

Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (hay HSX)

Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
(hay HNX)**

Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bản cáo bạch

Là tài liệu cung cấp những thông tin chính xác, trung thực, khách quan có liên quan đến việc chào bán, niêm yết Chứng chỉ Quỹ ACBGF bao gồm nhưng không giới hạn ở mục tiêu, chiến lược đầu tư, tài chính.

Điều lệ Quỹ

Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào tại từng thời điểm. Điều lệ Quỹ được soạn thảo phù hợp với pháp luật Việt Nam và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Hợp đồng Giám sát

Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ACB và Ngân hàng Giám sát và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Quỹ đại chúng dạng đóng

Là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư

Là các cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài đang nắm giữ Chứng chỉ Quỹ ACBGF.

Đại hội nhà đầu tư

Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư ACBGF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư ACBGF.

Vốn Điều lệ hoặc Vốn điều lệ Quỹ

Là tổng số tiền do Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ tại từng thời điểm.

Đơn vị Quỹ

Là Vốn Điều lệ Quỹ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá là 10.000VNĐ/ Đơn vị Quỹ. Mỗi đơn vị Quỹ đại diện cho phần vốn và lợi ích bằng nhau của Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ ACBGF hoặc Chứng chỉ quỹ	Là loại chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ ACB đại diện cho Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB phát hành để xác định quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản và vốn của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ do Nhà đầu tư nắm giữ. Chứng chỉ Quỹ ACBGF được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.
Các doanh nghiệp nhận đầu tư	Là các công ty/ doanh nghiệp hay dự án mà Quỹ ACBGF đầu tư vào.
Giá phát hành	Là mệnh giá cộng với phí phát hành cho một Đơn vị Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ ACBGF.
Phí phát hành	Là phí mà Nhà đầu tư trả cho Công ty Quản lý Quỹ để trang trải các chi phí liên quan đến việc phát hành Chứng chỉ Quỹ. Phí này được cộng vào mệnh giá một Chứng chỉ Quỹ và thu khi phát hành.
Phí quản lý quỹ	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ. Phí quản lý quỹ sẽ được trả hàng tháng và theo công thức được quy định trong Điều lệ này.
Phí thưởng	Là phí phải trả cho Công ty quản lý Quỹ đóng, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại Điều lệ Quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại Điều lệ Quỹ.
Cổ tức Quỹ	Là một phần hay toàn bộ số lợi nhuận thực tế còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư.
Thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ	Thời hạn phân phối Chứng chỉ Quỹ tối đa 90 ngày kể từ ngày bắt đầu việc chào bán và thời gian gia hạn thêm tối đa 30 ngày (sau khi được sự đồng ý của UBCKNN).
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (Net Asset Value - NAV)	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư khác trừ đi tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ ACBGF vào thời điểm định giá.

Thời điểm định giá	Là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần hoặc ngày khác theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ nhằm thực hiện việc định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ.
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)	Là cơ quan có thẩm quyền quản lý các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Người có liên quan	Được hiểu theo định nghĩa tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán.
Tài sản quỹ	Là bất kỳ loại chứng khoán nào và tiền mặt hoặc tương đương tiền và các tài sản khác thuộc sở hữu của Quỹ.
Tổ chức phân phối (Đại lý chào bán Chứng chỉ Quỹ)	Là công ty chứng khoán có đủ năng lực và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định làm tổ chức phân phối không độc quyền để chào bán Chứng chỉ Quỹ theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ.
Giá đóng cửa	Là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác sẽ được hiểu theo quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1: TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ ACBGF

Tên đầy đủ: **Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB**
Tên giao dịch: **Quỹ tăng trưởng ACB**
Tên viết tắt: **ACBGF**
Địa chỉ liên hệ: **Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
ĐT: **(84.8) 6290 5989** Fax: **(84.8) 6290 5987**
Email: **acbcinfo@acb.com.vn**
Website: **www.acbcapital.com.vn**

ĐIỀU 2: MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

1. Tăng trưởng tài sản quỹ trong trung và dài hạn.
2. Thu nhập hàng năm ổn định cho các nhà đầu tư.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Thời hạn hoạt động của Quỹ ACBGF là năm (05) năm tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền.
2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
3. Khi có sự thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ, điều khoản này sẽ được thay đổi tương ứng.

ĐIỀU 4: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC

1. Quỹ ACBGF là Quỹ đại chúng dạng đóng. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có trách nhiệm mua lại Chứng Chỉ Quỹ ACBGF đã được phát hành cho nhà đầu tư.
2. Đại hội nhà đầu tư bao gồm tất cả Nhà đầu tư là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Quỹ ACBGF.
3. Ban đại diện Quỹ là những người đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của quỹ ACBGF, Công ty Quản lý Quỹ ACB và Ngân hàng Giám sát. Quyền, nghĩa vụ và thành phần của Ban đại diện Quỹ được quy định trong Chương 5 Điều Lệ này.

ĐIỀU 5: TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ACBGF CHÀO BÁN

1. Tổng vốn của Quỹ ACBGF do vốn đóng góp của Nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ACBGF mở tại Ngân hàng giám sát.
2. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ ACBGF là hai trăm bốn mươi tỷ không trăm tám mươi triệu (240.080.000.000) đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn (24.008.000) đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị Quỹ là mười ngàn (10.000) đồng Việt Nam.
3. Việc tăng hay giảm Vốn Điều lệ phải do Đại hội nhà đầu tư thông qua, và được UBCKNN chấp thuận.
4. Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ ACBGF, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

ĐIỀU 6: CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

Quỹ ACBGF chỉ định Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB làm đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ACBGF.

ĐIỀU 7: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACB Capital/ ACBC) thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02 tháng 12 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở chính của ACBC: Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 6290 5989 Fax: (84.8) 6290 5987

ĐIỀU 8: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) thành lập theo giấy phép số 236/GP-NHNN cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 08/09/2008 theo Luật các tổ chức tín dụng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/12/2008, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các chứng từ có liên quan đến tài sản của quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của quỹ. Quyền và nghĩa vụ Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.

Trụ sở chính: Số 49 phố Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84 .4) 3936 8000 Fax : (84.4) 3938 6321

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 9: MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

1. Quỹ ACBGF hướng đến xây dựng một danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ, đạt mục tiêu:
 - a. Tăng trưởng tài sản quỹ trong trung và dài hạn;
 - b. Thu nhập hàng năm ổn định cho các nhà đầu tư.
2. Phần lớn các khoản đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu của các công ty có tiềm năng và uy tín trên thị trường và trái phiếu Chính phủ. Ngoài ra, Quỹ ACBGF còn hướng tới hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... trong quá trình đầu tư, gia tăng giá trị các doanh nghiệp nhận đầu tư và gia tăng giá trị các khoản đầu tư của Quỹ ACBGF.

ĐIỀU 10: CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

1. Chiến lược chính của Quỹ là đầu tư chọn lọc vào các doanh nghiệp, các công ty có lợi nhuận ổn định và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Tiêu chí chọn lựa đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố: i) khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần và phát triển sản phẩm của doanh nghiệp; ii) chỉ số tài chính an toàn và hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; iii) mô hình quản trị tiên tiến, công nghệ và kỹ thuật sản xuất hiện đại, chiến lược kinh doanh bền vững; iv) đội ngũ lãnh đạo có năng lực, uy tín, có tầm nhìn chiến lược, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp...

2. Công cụ đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, và các công cụ vốn, nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các quyết định đầu tư được tiến hành theo quy trình và tiêu chí đầu tư mà ACBC xây dựng dành cho Quỹ ACBGF được sự phê duyệt của Ban đại diện Quỹ.
4. Quỹ ACBGF có thể đầu tư ra nước ngoài phụ thuộc vào sự phê chuẩn của UBCKNN, Đại hội nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

a. Phân bổ tài sản :

Đề hoàn thành mục tiêu của quỹ, dựa trên thời gian hoạt động của Quỹ ACBGF là 05 năm (thời gian hoạt động của Quỹ có thể gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư), mức độ chịu đựng rủi ro của các nhà đầu tư, việc tối đa hóa lợi nhuận sẽ thông qua sự phân bổ tài sản theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thị trường.

b. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Chính sách phân bổ ngành nghề của Quỹ ACBGF được cân nhắc dựa trên quy mô vốn hóa của các doanh nghiệp, và trên những phân tích, dự báo ngành nghề của Công ty Quản lý Quỹ về tiềm năng tăng trưởng, mức sinh lời... nhằm đảm bảo mục tiêu của Quỹ ACBGF.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thị trường.

- Dịch vụ tài chính - Ngân hàng
 - Vật liệu - khai khoáng
 - Hạ tầng, bất động sản
 - Hàng tiêu dùng
 - Công nghiệp năng lượng
 - Dịch vụ tiêu dùng
 - Dược phẩm - Y tế
 - CNTT - Viễn thông
 - Khác
- c. Tài sản đầu tư :
- Quỹ ACBGF đầu tư chủ yếu vào các loại tài sản sau:
- Cổ phiếu đang và sẽ niêm yết;
 - Trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu địa phương, trái phiếu doanh nghiệp;
 - Công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá 01 năm;
 - Các tài sản khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

ĐIỀU 11: HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Quỹ ACBGF sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hạn chế đầu tư theo luật pháp hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Không đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ này hoặc vào Chứng Chỉ Quỹ hoặc vốn góp của Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
2. Đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành tối đa không vượt quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
3. Tối đa không đầu tư vượt quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
4. Tối đa không đầu tư vượt quá ba mươi phần trăm (30%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
5. Tối đa không đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào bất động sản;
6. Trường hợp được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản, không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ, hoặc các tài sản tài chính khác theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 10;

7. Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
8. Không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;
9. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ có thể sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều này. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng hoặc giảm giá trị thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ đại chúng;
10. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại Điều này.

ĐIỀU 12: PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

- a. Trong quá trình đầu tư, ACBC sẽ thực hiện một quy trình nghiên cứu, đánh giá và thẩm định đầu tư áp dụng chiến lược đầu tư tích cực trong việc quản lý Quỹ ACBGF, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả trong trung và dài hạn và gia tăng giá trị cho các khoản đầu tư của Quỹ ACBGF;
- b. ACBC sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty. Phương pháp này nhằm chọn ra những ngành nghề hiệu quả, tiềm năng để từ đó lựa chọn công ty tăng trưởng cao với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. ACBC sẽ tiến hành phân tích kỹ thuật để xác định mức giá và thời điểm thực hiện đầu tư;
- c. ACBC tiến hành phân tích ngành thông qua phân tích chu kỳ hoạt động, dự đoán tăng trưởng, đánh giá mức độ lợi nhuận và rủi ro, chính sách Nhà nước đối với ngành, tầm ảnh hưởng trong mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành và của sản phẩm thay thế, mức ảnh hưởng ngành từ các thay đổi về xã hội, công nghệ....
- d. Đối với phân tích công ty, hiệu quả hoạt động là kim chỉ nam mà ACBC chú trọng trong quá trình thẩm định đầu tư. Công ty sẽ tập trung thẩm định các tiêu chí về quản trị, tính minh bạch, tiềm năng tăng trưởng, các tiêu chí tài chính thể hiện hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn của công ty;
- e. Ngoài việc đầu tư nêu trên, ACBC sẽ kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư bằng cách nghiên cứu kỹ các báo cáo tài chính định kỳ và giữ quan hệ với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc các công ty đã đầu tư. Bộ phận nghiên cứu sẽ liên tục cập nhật các thông tin có liên quan đến các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư để có thể sẵn sàng đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình đầu tư. Bên cạnh đó, ban điều hành quỹ sẽ hỗ trợ công ty đầu tư về mặt quản trị chiến lược, cơ cấu tài chính nhằm tạo ra giá trị gia tăng đối với các khoản mà Quỹ ACBGF tham gia đầu tư.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 13: NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư bao gồm Nhà đầu tư cá nhân và Nhà đầu tư pháp nhân trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất từ một nghìn (1000) Chứng chỉ Quỹ ACBGF trở lên trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Khi Quỹ được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hạn chế nêu trên được bãi bỏ và sẽ chỉ tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ gì khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư pháp nhân là những tổ chức kinh tế xã hội được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Nhà đầu tư pháp nhân chỉ định người đại diện hợp pháp để đại diện cho số lượng chứng chỉ Quỹ ACBGF mà mình sở hữu. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản và gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, do người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư đồng ý bằng văn bản.
3. Hạn chế về tỉ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.

ĐIỀU 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư có những quyền sau:

- a. Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của Nhà đầu tư;
- b. Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ Nhà đầu tư sở hữu (nếu còn);
- c. Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- d. Được quyền mua thêm Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp;
- e. Khiếu nại Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc những tổ chức có liên quan nếu những tổ chức này vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
- f. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư, quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ Quỹ;
- g. Tự ứng cử hoặc được đề cử vào Ban đại diện Quỹ nếu Nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này; Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền đề cử Nhà đầu tư vào thành viên Ban đại diện Quỹ;

- h. Giao dịch, chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ này;
- i. Thực hiện các quyền khác được quy định trong Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ:

- a. Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành những quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- b. Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ ACBGF như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp;
- c. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối được ủy quyền có quyền yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp thông tin cần thiết để xác định nhân thân của nhà đầu tư;
- d. Những nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 15. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ phải lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký Nhà đầu tư từ khi Quỹ ACBGF hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ ACBGF có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- 2. Sổ đăng ký Nhà đầu tư phải có các nội dung sau:
 - a. Tên Quỹ;
 - b. Số giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
 - c. Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - d. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, loại chứng chỉ quỹ được quyền chào bán;
 - e. Số lượng chứng chỉ Quỹ thực tế đã phát hành và tổng giá trị vốn góp;
 - f. Danh sách nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - g. Ngày lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư.
- 3. Sổ đăng ký Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ lưu giữ và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cho tất cả các Nhà đầu tư biết nơi lưu giữ.

ĐIỀU 16. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

- 1. Quỹ ACBGF là Quỹ đóng, do đó Công ty Quản lý Quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư;
- 2. Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ ACBGF sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- 3. Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

ĐIỀU 17. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ ACBGF chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
3. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ do việc thừa kế sẽ tuân theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và chi nhánh Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

ĐIỀU 18. GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ THUA LỖ CỦA QUỸ

1. Trong trường hợp Quỹ ACBGF bị tổn thất hoặc thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, thì Nhà đầu tư phải gánh chịu khoản thua lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và không nhận Cổ tức Quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội nhà đầu tư các giải pháp có thể như sau:
 - a. Giữ nguyên mức Vốn điều lệ; hoặc
 - b. Giảm và đăng ký lại Vốn Điều lệ mới; hoặc
 - c. Tăng Vốn Điều lệ Quỹ từ Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ; hoặc
 - d. Giải thể Quỹ.
2. Việc tăng hay giảm Vốn Điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Việc giải thể Quỹ sẽ phải tuân theo các quy định nêu tại Chương XI (Giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán) của Điều lệ này.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 19. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước ngày hợp đều có quyền tham dự Đại hội nhà đầu tư.
2. Đại hội nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
4. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

ĐIỀU 20. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG

1. Đại hội nhà đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc nhóm Nhà đầu tư nắm giữ ít nhất 10% vốn điều lệ liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:
 - a. Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - b. Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ;
 - c. Xem xét thay thế Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
 - d. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
 - e. Xem xét việc giải thể Quỹ;
 - f. Xem xét sáp nhập, hợp nhất Quỹ với những Quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - g. Số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
2. Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho Nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư.
3. Chi phí của Đại hội nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm thanh toán.

ĐIỀU 21. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Đại hội nhà đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Bầu, bãi miễn, thay thế Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ; bổ nhiệm bổ sung thành viên của Ban đại diện Quỹ trong trường hợp số thành viên của Ban

đại diện Quỹ ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật yêu cầu như nêu tại Khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này;

2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
3. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
4. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
5. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
6. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể Quỹ;
7. Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ Quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
8. Quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;
9. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
11. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;
12. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ này;
13. Quyết định việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, chứng khoán phát hành bởi các tổ chức phát hành được điều chỉnh bởi pháp luật nước ngoài.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN, THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Điều kiện tổ chức Đại hội nhà đầu tư:

- a. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn Điều lệ Quỹ. Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội.
- b. Trong trường hợp Đại hội không đáp ứng được điều kiện a Khoản 1 Điều này thì Đại hội tiếp theo sẽ tổ chức trong vòng 30 ngày tính từ ngày dự định khai mạc Đại hội trước. Khi đó Đại hội sẽ tổ chức không phụ thuộc vào số lượng Nhà đầu tư tham dự.

2. Quy trình tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư:

- a. Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- b. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội.
- c. Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.



ĐIỀU 23. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư sẽ được thông qua bằng hình thức lấy biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư sẽ được thông qua khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Quyết định được thông qua bởi số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư tham gia Đại hội và các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác;
 - b. Quyết định sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ Quỹ, chấm dứt hoạt động của Quỹ phải được thông qua bởi số Nhà đầu tư đại diện cho 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư tham dự và các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác.
3. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
4. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là :
 - a. Thông qua điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;
 - b. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - c. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ và thực thi các quyết định do Đại hội nhà đầu tư thông qua.
6. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
7. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 24. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi Nhà đầu tư và do Đại hội nhà đầu tư bầu ra.
2. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo.
3. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát. Số lượng cụ thể thành viên trong Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định.
4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ này. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, số lượng thành viên còn lại không dưới ba (03) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới ba (03) thành viên thì Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện Quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.
6. Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho Nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 25. TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải là các Nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Quỹ. Nhóm Nhà đầu tư nắm giữ đến tỷ lệ này có quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ; hoặc
 - b. Là người có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng được Đại hội nhà đầu tư đề cử.
2. Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.
3. Thành viên Ban đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.

ĐIỀU 26. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ đại chúng phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật;
4. Thông qua các giao dịch giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc với người có liên quan phù hợp với những quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
6. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung những vấn đề cơ bản trong Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, hợp đồng giám sát với sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư;
7. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư, thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
8. Kiến nghị việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch;
9. Thông qua các khoản phí hợp lý, hợp lệ khác phát sinh từ hoạt động đầu tư của Quỹ ngoài các khoản phí đã được liệt kê tại Điều lệ này, phù hợp với đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
10. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
11. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
12. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hằng năm, hàng quý của Quỹ;
13. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
14. Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
15. Đề nghị giải thể Quỹ và kế hoạch giải thể;

16. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
17. Có thể được Chủ tịch ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định;
18. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
19. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội nhà đầu tư quyết định;
20. Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này và pháp luật;
21. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư ACBGF theo luật định, cụ thể là :
 - a. Khi dự kiến giao dịch chứng chỉ quỹ hoặc quyền mua chứng chỉ quỹ của mình, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (cho, tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm...) phải báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 14 và Phụ lục 15 kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC;
 - b. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo về kết quả giao dịch cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Công ty Quản lý Quỹ theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ban hành;
 - c. Trường hợp không thực hiện giao dịch, thì cũng phải báo cáo lý do với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Công ty Quản lý Quỹ trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.

ĐIỀU 27. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại hội nhà đầu tư sẽ bầu ra Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên của Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện phải độc lập và không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ này.

ĐIỀU 28. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

ĐIỀU 29. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN CHỦ TỊCH/THÀNH VIÊN CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại hội nhà đầu tư sẽ đình chỉ, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Chủ tịch/thành viên của Ban đại diện Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Chủ tịch/ thành viên này không còn thỏa mãn tiêu chuẩn chọn lựa ban Đại diện Quỹ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ này;
 - b. Bị khởi tố hoặc truy tố hình sự;
 - c. Bị toà án tuyên bố là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi;
 - d. Từ chức, hết nhiệm kỳ công tác hoặc chết;
 - e. Không còn nắm chứng chỉ Quỹ;
 - f. Thực hiện những hành vi nhằm tổn hại đến quyền lợi và lợi ích của Nhà đầu tư và quỹ.
2. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua tại Đại hội nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi nhiệm tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ nêu tại điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 30. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Ban đại diện Quỹ sẽ họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ là người triệu tập và điều khiển cuộc họp. Chủ tịch phải gửi thông báo bằng văn bản cho tất cả thành viên Ban đại diện Quỹ ít nhất là mười (10) ngày trước ngày họp Ban đại diện Quỹ.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quỹ.
3. Số lượng thành viên tối thiểu tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quỹ.
4. Số lượng thành viên tối thiểu để thông qua các vấn đề tại các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là:
 - a. Hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự. Trong trường hợp số phiếu bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người quyết định cuối cùng;
 - b. Ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự đối với các vấn đề được quy định tại Khoản 4, 6 và 7 Điều 26 của Điều lệ này;

- c. Các thành viên tham dự phải nhất trí tuyệt đối với các vấn đề được nêu tại Khoản 5, 9 và 15 Điều 26 của Điều lệ này.
5. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
 6. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán. Chi phí đi lại và ăn ở liên quan đến cuộc họp của Ban đại diện Quỹ và chi phí công tác do thành viên Ban đại diện Quỹ tự thanh toán.
 7. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty Quản lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
 8. Tất cả nội dung trong biên bản họp của Ban đại diện Quỹ chỉ có giá trị hiệu lực và tính thực thi khi được các thành viên trong Ban đại diện Quỹ ký thông qua. Các biên bản này cũng là quyết định của Ban đại diện Quỹ.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 31. TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Không phải là Người có liên quan với Ngân hàng Giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
4. Được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 32. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a. Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
- b. Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
- c. Công ty Quản lý Quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
- d. Đối với những giao dịch của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
- e. Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- f. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ ACBGF do nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận;
- g. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- h. Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ;
- i. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

- j. Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
- k. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

- a. Được hưởng các khoản phí và thưởng được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- b. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- d. Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

ĐIỀU 33: CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- 1. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ sẽ kết thúc trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - b. Theo đề nghị của Ngân hàng Giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - c. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép quản lý quỹ dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
 - d. Công ty Quản lý Quỹ phá sản hay giải thể;
 - e. Công ty Quản lý Quỹ bị sáp nhập hay hợp nhất bởi công ty khác;
 - f. Hết thời hạn hoạt động của Quỹ.
- 2. Trong trường hợp nêu tại Điểm a-c, Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 34: HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu với Ngân hàng Giám sát của Quỹ mà công ty đang quản lý.
- 2. Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ được đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đại chúng mà công ty sẽ quản lý trong giai đoạn chào bán chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Các giao dịch chứng chỉ Quỹ sau đợt chào bán lần đầu ra công chúng sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch, Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, giám đốc Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận Kiểm soát nội bộ.
4. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không được là đối tác mua/bán trong giao dịch tài sản đầu tư của Quỹ, trừ trường hợp các giao dịch này được thực hiện thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản Quỹ, thành viên Ban giám đốc, Chủ tịch, người điều hành Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hay danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất cứ thù lao hay quyền lợi nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ.
6. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ hay Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ thực hiện giao dịch vì lợi ích của Quỹ, việc phân bổ tài sản và quyền lợi phải được tiến hành một cách công bằng. Các bên giao dịch không được sử dụng tài sản của Quỹ một cách trực tiếp hay gián tiếp để thu lợi ích cho bản thân ngoài lợi ích trực tiếp từ việc họ tham gia vào giao dịch, hoặc vì mục đích nào khác với mục đích phục vụ cho Nhà đầu tư của Quỹ.
7. Công ty Quản lý Quỹ không được:
 - a. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b. Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - c. Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thành lập theo pháp luật Việt Nam do mình quản lý.
8. Công ty Quản lý Quỹ không được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho Quỹ tại công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ.
9. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty, người có liên quan của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan hoặc các bên khác.
10. Không được tiết lộ thông tin về nhà đầu tư, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
11. Không được thực hiện những hành vi làm cho Nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.
12. Chủ sở hữu của Công ty Quản lý Quỹ không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn ba năm, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

ĐIỀU 35: TIÊU CHUẨN CHỌN LỰA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
2. Ngân hàng Giám sát, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát/lưu ký.
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

ĐIỀU 36: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Ngân hàng Giám sát có các quyền sau:
 - a. Hưởng các khoản phí, thưởng liên quan đến hoạt động lưu ký và giám sát được quy định trong Điều lệ Quỹ; đề nghị thay đổi mức phí, thưởng;
 - b. Tham gia Đại hội nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ Quỹ.
2. Ngân hàng Giám sát có các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ, quản lý tách biệt tài sản của Quỹ và các tài sản khác của Ngân hàng Giám sát;
 - b. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp đối với hoạt động lưu ký và giám sát;
 - c. Giám sát để bảo đảm Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, các quy trình nghiệp vụ và quản lý rủi ro;
 - d. Thực hiện đúng và đầy đủ những chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc tiếp nhận, theo dõi, hạch toán các giao dịch liên quan đến tài sản của Quỹ;
 - e. Quản lý tách bạch tài sản của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của Quỹ khác, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ hay của Ngân hàng Giám sát;
 - f. Thay mặt Quỹ thực hiện việc thanh toán, nhận lãi suất, cổ tức và chuyển tiền liên quan đến giao dịch của tài sản Quỹ theo lệnh hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ;
 - g. Xác nhận báo cáo do Công ty Quản lý Quỹ lập phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
 - h. Giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - i. Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Ngân hàng

Giám sát. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và đảm bảo việc định giá là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; Trường hợp không phù hợp Ngân hàng Giám sát có nghĩa vụ thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh việc định giá cho phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ;

- j. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Công ty Quản lý Quỹ hay tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm Điều lệ Quỹ hoặc pháp luật hiện hành;
- k. Định kỳ cùng Công ty Quản lý Quỹ kiểm tra, đối chiếu sổ kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động giao dịch của Quỹ;
- l. Thông báo với Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành một Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 37: CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- 1. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ sẽ kết thúc trong những trường hợp sau:
 - a. Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - b. Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - c. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
 - d. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép dịch vụ giám sát/lưu ký dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể, tuyên bố phá sản;
 - f. Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sáp nhập bởi ngân hàng giám sát khác;
 - g. Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
 - h. Quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- 2. Trong trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân hàng Giám sát khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 38: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN

1. Công ty kiểm toán được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a. Có giấy phép kiểm toán cho Bộ Tài chính cấp;
 - b. Là công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận việc kiểm toán cho Quỹ;
 - c. Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
 - d. Công ty Quản lý Quỹ được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền để ký hợp đồng với Công ty Kiểm toán.
2. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a. Bộ Tài chính hay Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép kiểm toán dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Công ty Kiểm toán phá sản hay giải thể;
 - c. Trường hợp thay đổi, lựa chọn công ty kiểm toán mới sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định.

ĐIỀU 39: NĂM TÀI CHÍNH

1. Năm tài chính của Quỹ sẽ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

ĐIỀU 40: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Quỹ sẽ áp dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
2. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thay mặt Quỹ thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định pháp luật đối với thu nhập của Quỹ trước khi phân phối cho các nhà đầu tư.
3. Các Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với phần thu nhập được chia theo quy định của pháp luật về thuế.

ĐIỀU 41: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ ACBGF và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hằng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý Quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính và công bố thông tin.

ĐIỀU 42: CÁC BÁO CÁO KHÁC

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG IX

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

ĐIỀU 43: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được định giá hàng tuần và công bố công khai cho tất cả Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

ĐIỀU 44: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Ngày Định Giá

- a. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ sẽ được công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày định giá.
- b. Việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ sẽ do ACBC chịu trách nhiệm và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc định giá Giá trị Tài sản Ròng

Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng các giá trị của chứng khoán và tài sản khác của Quỹ trừ đi tổng nợ của Quỹ, kể cả các khoản Cổ tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước ngày định giá.

Giá trị Tài sản Ròng (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Trong đó:

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ bao gồm các giá trị các khoản đầu tư, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền chưa đầu tư của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Giá trị tổng tài sản có được tính tại điểm a Khoản 3 Điều này;
- Tổng nợ phải trả của Quỹ bao gồm các chi phí nêu tại Chương XII cộng với các khoản Cổ Tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước ngày định giá.

Giá trị Tài sản Ròng của Đơn Vị Quỹ bằng: NAV/ Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.

3. Phương pháp định giá

- a. Việc xác định giá trị các tài sản của Quỹ thực hiện theo phương pháp định giá sau đây:
 - Đối với cổ phiếu niêm yết
 - (1) Giá của chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) được

xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

- (2) Giá của các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (2) tuần được xác định trên cơ sở giá chào mua trung bình do ba (3) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
- (3) Trong trường hợp các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, giá trị chứng khoán đó được áp dụng như sau:
 - (a) Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản;
 - (b) Bằng giá mua trong các trường hợp khác; hoặc
 - (c) Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng Giám sát đồng ý và Đại hội nhà đầu tư chấp nhận.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)
 - (1) Giá của các loại cổ phiếu chưa niêm yết là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do ba (3) công ty chứng khoán có uy tín cung cấp. Công ty chứng khoán được lựa chọn, phải là công ty độc lập với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát.
 - (2) Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp trên, phương pháp định giá theo giá trị sổ sách sẽ được áp dụng.
- Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu.
- Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường theo quy định đối với trường hợp cổ phiếu niêm yết và/ hoặc trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) được quy định trong điểm a, Khoản 3 Điều này. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá trị thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp.
- Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá một (01) năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá thực tế tại thời điểm xác định.
- Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của Ngân hàng giám sát và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06)

tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá.

- Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan đã được Ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- b. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG X

PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU 45: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Sau một (01) năm hoạt động có lãi, Quỹ có thể tăng Vốn Điều lệ bằng cách gọi thêm vốn từ Nhà đầu tư hiện hữu và Nhà đầu tư mới thông qua việc phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ hoặc thông qua việc phát hành quyền mua Chứng chỉ Quỹ có thể chuyển nhượng.
2. Việc chào bán để tăng vốn của Quỹ phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
3. Phương án phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ và phương án đầu tư số vốn thu được phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

CHƯƠNG XI

GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

ĐIỀU 46: CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ

1. Quỹ sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn.
 - b. Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Quỹ :
 - Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ giải thể, bị phá sản hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng ba (03) tháng;
 - Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt Hợp đồng giám sát, Ngân hàng giám sát giải thể, bị phá sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng ba (03) tháng;
 - Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển tài sản của Quỹ sang Quỹ khác;
 - Các trường hợp khác được quyết định bởi đại hội nhà đầu tư.
2. Trường hợp Quỹ giải thể do kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn hoặc Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác thì tối thiểu ba (03) tháng trước ngày giải thể Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư và trình phương án giải thể Quỹ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phương án giải thể để Đại hội nhà đầu tư quyết định.
3. Trường hợp Quỹ buộc phải giải thể do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ giải thể, bị phá sản hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị UBCKNN thu hồi mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng ba (03) tháng thì Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giải thể.
4. Trường hợp Quỹ giải thể do Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt hợp đồng giám sát, Ngân hàng giám sát giải thể, bị phá sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng ba (03) tháng hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giải thể.
5. Phương án giải thể Quỹ phải được các bên có liên quan thống nhất trong thời điểm sớm nhất và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
6. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và phân phối tài sản Quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

7. Việc giải thể của Quỹ phải được thực hiện tuân theo các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

ĐIỀU 47: THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ KHI GIẢI THỂ

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo thứ tự sau đây:
 - a. Các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và chi phí cho việc giải thể Quỹ;
 - b. Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
 - c. Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
 - d. Phần còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ.
2. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giải thể Quỹ.

ĐIỀU 48: CÁC ĐIỀU KIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP QUỸ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định;
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG XII

PHÍ PHÁT HÀNH, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CỔ TỨC QUỸ

ĐIỀU 49: PHÍ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Là các phí liên quan đến việc phát hành Chứng chỉ Quỹ.

Phí phát hành của Chứng chỉ Quỹ ACBGF là 0,5% mệnh giá của Đơn vị Quỹ (giá đơn vị Quỹ trong thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ). Do đó, giá phát hành Chứng chỉ Quỹ ACBGF là 10.050 VNĐ/ Chứng chỉ Quỹ.

ĐIỀU 50: PHÍ QUẢN LÝ

Phí quản lý được tính bằng 0,5% trên Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và được Quỹ ACBGF thanh toán hàng tháng cho ACBC. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời gian Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ ACBGF.

Phí quản lý quỹ hàng tháng = 0,5% x NAV tại ngày định giá cuối cùng của tháng / 12 tháng

ĐIỀU 51: PHÍ GIÁM SÁT, LƯU KÝ VÀ PHÍ KHÁC CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Phí giám sát, lưu ký là mức phí được trả cho Ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty Quản lý Quỹ với Ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...
2. Quỹ sẽ thanh toán cho ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của Nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ Quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của Nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách Nhà đầu tư với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng giám sát.

ĐIỀU 52: THƯỜNG THEO HOẠT ĐỘNG VÀ CỔ SỔ THAM CHIẾU

Công ty Quản lý Quỹ có thể nhận được từ Quỹ ACBGF, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động.

1. Nguyên tắc thực hiện:

Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ACBGF (xem phương thức tính phí thưởng ở Phụ lục 4). Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư (nếu có) và được thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ hàng năm.

Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thưởng bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.

Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Tăng trưởng NAV để xác định mức thưởng sẽ được tính bắt đầu từ khi mức lỗ đã được bù đắp hết. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.

Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

2. Phương thức hạch toán:

Thưởng hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty Quản lý Quỹ sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó và số thưởng hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thưởng hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

3. Phương thức xác định thưởng hoạt động:

Xin tham khảo Phụ lục 4 – Phương pháp xác định thưởng theo hoạt động.

ĐIỀU 53: CÁC LOẠI PHÍ, LỆ PHÍ KHÁC

Các chi phí khác mà Quỹ phải thanh toán bao gồm:

1. Phí môi giới, phí giao dịch có liên quan đến các giao dịch tài sản của Quỹ;
2. Phí liên quan đến việc định giá tài sản của Quỹ;
3. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán của Quỹ; chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
4. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ theo sự phê chuẩn của Đại hội nhà đầu tư hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành;
5. Chi phí liên quan đến việc phát hành Chứng chỉ Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí soạn thảo Bản cáo Bạch của Quỹ, sửa đổi Điều lệ Quỹ, chi phí phát sinh từ việc xin phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
6. Chi phí liên quan đến việc niêm yết Quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi phí phát sinh từ việc xin phê chuẩn của Sở giao dịch Chứng khoán và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
7. Chi phí liên quan đến tổ chức, triệu tập và hoạt động của Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện Quỹ;
8. Các khoản lãi vay phải trả phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
9. Thuế, phí liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;
10. Bất cứ chi phí hợp lý nào khác mà Ban đại diện Quỹ thông qua;
11. Tất cả các chi phí được liệt kê tại điều 52 này sẽ không vượt quá 1% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ/ năm.

ĐIỀU 54: PHÂN PHỐI CỔ TỨC QUỸ

1. Cổ tức Quỹ được phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.
2. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ ACBGF cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết sáu (06) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá mười hai (12) tháng) cho các Nhà đầu tư ở mức đã ấn định.
3. Bất kỳ Nhà đầu tư nào chuyển nhượng số đơn vị Quỹ của mình sau khi khóa Sổ đăng ký Nhà đầu tư có quyền nhận cổ tức phát sinh trong giai đoạn này.
4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư vào Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có quyền khấu trừ các khoản thuế thu nhập này trước khi chi trả Cổ tức cho Nhà đầu tư phù hợp với phương pháp nộp thuế mà Nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

NG

ICAP

CHIN

PHC

2 KX



CHƯƠNG XIII

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

ĐIỀU 55: KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ ACBGF VÀ CÁC QUỸ KHÁC VÀ CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA ACBC, GIỮA ACBGF VÀ ACBC

1. Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo quản lý tách biệt Quỹ với các Quỹ khác, bằng cách:
 - a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - b. Không sử dụng tài sản của Quỹ đầu tư vào Quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý hoặc ngược lại;
 - c. Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ khác và tài sản của Nhà đầu tư ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Giao dịch giữa Quỹ/ Công ty Quản lý Quỹ với người có liên quan phải tuân thủ quy định Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Tất cả giao dịch cá nhân của Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, kiểm soát viên, người điều hành Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
4. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát và khống chế xung đột quyền lợi trong Công ty Quản lý Quỹ và trong giao dịch với Người có liên quan.

CHƯƠNG XIV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ

ĐIỀU 56: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy định về công bố thông tin của Quỹ phải tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày báo cáo tài sản được kiểm toán.
2. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin định kỳ về Quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - b. Tài sản của Quỹ theo định kỳ hàng tháng, quý và hàng năm;
 - c. Tình hình và kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ hàng tháng, quý và hàng năm.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo với Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây liên quan đến Quỹ:
 - a. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - b. Quyết định phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ;
 - c. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - d. Quyết định thay đổi Vốn Điều lệ của Quỹ;
 - e. Quỹ bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán thêm Chứng chỉ Quỹ;
 - f. Quyết định đình chỉ hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ Quỹ;
 - g. Sửa đổi bổ sung Điều lệ, Bản cáo bạch.
4. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin về Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Có tin đồn ảnh hưởng đến việc chào bán, giá của Chứng chỉ Quỹ;
 - b. Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch của Chứng chỉ Quỹ.

ĐIỀU 57: THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ sẽ được sửa đổi, bổ sung khi được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 58: ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ hoặc các sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 59: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Điều lệ Quỹ có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại hội nhà đầu tư thông qua và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Văn bản này và phụ lục đi kèm tạo thành Điều lệ Quỹ:
 - a. Phụ lục 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ
 - b. Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng Giám sát
 - c. Phụ lục 3: Cam kết chung của Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ
 - d. Phụ lục 4: Phương pháp xác định thưởng hoạt động

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2011

**THAY MẶT ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ ACBGF
CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**



NGUYỄN VĂN HÒA

CHƯƠNG XIV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ

ĐIỀU 56: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy định về công bố thông tin của Quỹ phải tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày báo cáo tài sản được kiểm toán.
2. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin định kỳ về Quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - b. Tài sản của Quỹ theo định kỳ hàng tháng, quý và hàng năm;
 - c. Tình hình và kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ hàng tháng, quý và hàng năm.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo với Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây liên quan đến Quỹ:
 - a. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - b. Quyết định phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ;
 - c. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - d. Quyết định thay đổi Vốn Điều lệ của Quỹ;
 - e. Quỹ bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán thêm Chứng chỉ Quỹ;
 - f. Quyết định đình chỉ hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ Quỹ;
 - g. Sửa đổi bổ sung Điều lệ, Bản cáo bạch.
4. Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin về Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Có tin đồn ảnh hưởng đến việc chào bán, giá của Chứng Chỉ Quỹ;
 - b. Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch của Chứng Chỉ Quỹ.

ĐIỀU 57: THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ sẽ được sửa đổi, bổ sung khi được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 58: ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều lệ Quỹ hoặc các sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ.

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ:	Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB (ACB Capital / ACBC)
Giấy phép Thành lập và Hoạt động:	41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 và giấy phép điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009 do UBCKNN cấp.

Công ty Quản lý Quỹ ACB cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ACBGF:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Công ty Quản lý Quỹ, Sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ Giá trị tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho Nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc Người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho Nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho Nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc Người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho UBCKNN trong trường hợp đối soát tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất;
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ACB



Ông NGUYỄN MINH TUẤN

Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI QUỸ

Ngân hàng Giám sát:	Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Giấy phép hoạt động:	Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp vào ngày 08 tháng 09 năm 2008
Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký:	Số 37/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 16 tháng 12 năm 2008

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) cam kết thực hiện những điều sau đây đối với Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho Nhà đầu tư, thực hiện việc đối soát tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của khách hàng của Ngân hàng Giám sát;
6. Giám sát danh mục của Quỹ, việc định giá tài sản của Quỹ, việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm soát bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Trần Minh Hường
Giám Đốc Điều Hành
Khối Nghiệp Vụ và CNTT

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản lý Quỹ:

**Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý
Quỹ ACB (ACB Capital / ACBC)**

Giấy phép thành lập và hoạt động:

41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 và giấy phép
điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009
do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Ngân hàng Giám sát:

**Ngân hàng TNHH Một Thành Viên
Standard Chartered (Việt Nam)**

Giấy phép hoạt động:

Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam cấp vào ngày 08 tháng 09 năm 2008

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt
động lưu ký:

Số 37/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày 16 tháng 12 năm 2008

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho Nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian tồn tại của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội cổ đông của các công ty phát hành cổ phiếu đó;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ ràng trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty Quản lý Quỹ



NGUYỄN MINH TUẤN

Tổng Giám Đốc

Đại diện Ngân hàng Giám sát



Trần Minh Hường

Giám Đốc Điều Hành
Khối Nghiệp Vụ và CNTT

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ ACB nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của ACBGF do Công ty Quản lý Quỹ ACB quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây)

Khoản thưởng hoạt động mà Công ty Quản lý Quỹ ACB sẽ nhận được bằng 20% trên khoản vượt trội này (Li) trong năm tài chính.

Tiền thưởng = 20% x Li

$$Li = Vi - [Vi-1 \times (100\% + h + 1\%) + Ni \times (100\% + (h+1\%) \times d/365)]$$

Trong đó:

- L_i : Khoản liên quan đến phí thưởng hoạt động
- V_i : Giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với khoản cổ tức chia trong năm
- V_{i-1} : Giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)
- 1% : Chỉ số vượt trội
- N_i : Số tiền thu được từ đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong năm
- d : Số ngày tính từ thời điểm huy động vốn mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i
- h : là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{ls}$$
 trong đó:
 - W_{ho} : là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM trong danh mục ACBGF.
 - R_{ho} : là % tăng trưởng của VN-Index.
 - W_{ha} : là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục ACBGF.
 - R_{ha} : là % tăng trưởng của HNX Index.
 - W_o : là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị tiền gửi, tiền mặt và các loại tài sản khác.
 - R_{ls} : là lãi suất tiền gửi mười hai (12) tháng trung bình của 4 ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh mục được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

- Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			NAV thực tế (tỷ đồng)			
	CP niêm yết Ho	CP niêm yết Ha	Tài sản khác	Tổng	Giá trị CP niêm yết Ho	Giá trị CP niêm yết Ha	Giá trị tài sản khác
	(W _{ho}) 1	(W _{ha}) 2	(W _o) 3	4	5	6	7
T1				300.0	135.0	120.0	45.0
T2				304.5	137.0	121.8	45.7
T3				309.1	139.1	139.1	30.9
T4				313.8	156.9	125.5	31.4
T5				318.3	159.2	127.3	31.8
T6				323.1	161.6	129.2	32.3
T7				328.2	164.1	131.3	32.8
T8				333.0	166.5	133.2	33.3
T9				338.1	169.1	135.2	33.8
T10	Phát hành 300 tỷ			641.1	320.6	256.4	64.1
T11				652.8	326.4	261.1	65.3
T12				662.1	331.1	264.8	66.2
Cả năm	49%	40%	11%	4,824.1	2,366.4	1,945.1	512.6

Trong đó:

- $W_{ho} (1) = (5)/(4)$
- $W_{ha} (2) = (6)/(4)$
- $W_o (3) = (7)/(4)$

- Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	a	300
NAV cuối năm (tỷ)	b	662.1
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	c	300
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	d	100
Tăng trưởng VN-Index	e	15%
Tăng trưởng HNX-Index	f	14%
Lãi suất TB tiền gửi 12 tháng	g	11%
Chỉ số vượt trội	i	1%
Chỉ số căn bản	$h = W_{ho} \times e + W_{ha} \times f + W_o \times g$	14.2%
Li (tỷ)	$k = b - a \times (1 + i + h) - c \times [1 + (i+h) \times d/365]$	4.11
Thưởng (tỷ)	$n = 20\% \times k$	0.82
Thưởng/NAV (%)		0.1%

